TUẦN 6

TOÁN

LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức: - Đọc được một số thông tin trên biểu đồ.

2. Kĩ năng: - Thực hành lập biểu đồ.

3. Thái độ: - HS yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

-Phiếu học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1. Ổn định tổ chức : 1phút

2.Tiến trình giờ dạy :

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
4’	**A. Bài cũ:**	- Gọi HS lên bảng làm bài 2b (trang 32- SGK). - GV nhận xét.	- HS nêu miệng. - Nhận xét.
32’	**B. Bài mới:**		
	a.Giới thiệu bài.	- GV giới thiệu bài.	- HS ghi đầu bài vào vở.
	b. Hướng dẫn luyện tập.	- Cho HS quan sát biểu đồ và hỏi :	- HS đọc đề bài.
	*** Bài 1:**	+Đây là biểu đồ biểu diễn cái gì ? - Làm bài tập vào vở, 1 em lên bảng điền đúng / sai. - Gọi HS giải thích tại sao lại đúng/ sai.	+ Biểu đồ biểu diễn số vải hoa và vải trắng đã bán trong tháng9. - 1 HS lên bảng làm bài. - Đứng tại chỗ giải thích. + Tuần 1 cửa hàng bán được 2m vải hoa và 1m vải trắng. (S) + Tuần 3 cửa hàng bán được 400m vải. (Đ) + Tuần 3 cửa hàng bán được nhiều vải hoa nhất. (S) + Số mét vải hoa mà tuần 2 cửa hàng bán được nhiều hơn tuần 1 là 100m. (Đ) + Số mét vải hoa mà tuần 4

			cửa hàng bán được ít hơn tuần 2 là 100m. (S)
		- Nhận xét, chữa bài.	
	*** Bài 2**	- Gọi HS nêu Y/c của bài. + Biểu đồ biểu diễn điều gì? + Các tháng được biểu diễn là những tháng nào? - Y/ c HS làm bài vào vở. - Gọi học sinh đọc bài trước lớp.	- Nêu y/c bài tập. + Biểu đồ biểu diễn số ngày có mưa trong 3 tháng của năm 2004 + Là các tháng 7, 8, 9. - HS làm bài vào vở. a) Tháng 7 có 18 ngày mưa. b) Tháng 8 có 15 ngày mưa. Tháng 9 có 15 ngày mưa. Số ngày mưa của T/8 nhiều hơn T/9 là: 15 - 3 = 12 (ngày) c) Số ngày mưa trung bình của mỗi tháng là: (8 + 15 + 3): 3 = 12 (ngày) - Nhận xét - sửa sai.
		- Nhận xét, chữa bài.	
	*** Bài 3** (Nếu còn thời gian)	- Gọi HS nêu y/cầu bài tập. - HD HS làm bài. +Nêu tên biểu đồ. + Biểu đồ còn chưa biểu diễn số cá của tháng nào? +Nêu số cá bắt được của tháng 2 và tháng 3? - Chúng ta sẽ vẽ cột biểu đồ biểu diễn số cá của tháng 2 và tháng 3. - Gọi HS lên bảng vẽ. - Y/c HS đọc biểu đồ vừa vẽ. - Nhận xét chữa bài.	- Nêu y/cầu bài tập. + Biểu đồ: Số cá tàu Thắng Lợi bắt được. + Của tháng 2 và tháng 3. + Tháng 2 tàu bắt được: 2 tấn Tháng 3 tàu bắt được: 6 tấn - HS chỉ vị trí sẽ vẽ. - Nêu cách vẽ (bề rộng, chiều cao của cột). - 2 HS mỗi học sinh vẽ biểu diễn 1 tháng. - HS vừa chỉ vừa nêu.
	C. Củng cố	+Ta làm quen với mấy loại biểu	

3’	**dặn dò:**	đồ? Đó là những loại biểu đồ nào? + Muốn đọc được số liệu trên biểu đồ ta phải làm gì? - Về nhà làm bài trong vở bài tập và chuẩn bị bài sau : Luyện tập chung.	+ 2 loại biểu đồ : - Biểu đồ tranh vẽ. - Biểu đồ hình cột. + Ta phải quan sát xem biểu đồ biểu diễn nội dung gì.

TẬP ĐỌC
NỖI DẰN VẶT CỦA AN- ĐRÂY- CA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết đọc với giọng kể chậm rãi, tình cảm, bước đầu biết phân biệt lời nhân vật với lời người kể chuyện.

2. Kĩ năng:

- Hiểu ND: Nỗi dằn vặt của An-đrây-ca thể hiện trong tình yêu thương, ý thức trách nhiệm với người thân, lòng trung thực và sự nghiêm khắc với lỗi lầm của bản thân (trả lời được các CH trong SGK)

3. Thái độ:

- Giáo dục HS tính trung thực, tình thương yêu ông bà, cha mẹ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh minh hoạ trong SGK, bảng phụ viết sẵn đoạn cần luyện đọc.
- HS: Sách, vở môn học

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

1.Ổn định tổ chức : 1phút

2.Tiến trình giờ dạy :

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
5’	**A. Bài cũ:**	- Gọi 2 HS đọc bài: “Gà Trống và Cáo” và trả lời câu hỏi. - GV nhận xét	- 2 HS thực hiện yêu cầu. - Nhận xét.
32’	**B. Bài mới:**		
	a. Giới thiệu bài.	+Tiêu đề bài tập đọc hôm nay là gì? +Quan sát tranh,tranh vẽ gì? +Nhìn tranh con đoán nội dung bài hôm nay là gì?	- HS nêu. - HS ghi đầu bài vào vở.
	b. Luyện đọc:	* Gọi 1 HS khá đọc bài.	- 1HS đọc bài, cả lớp đọc

	- Đọc to rõ ràng, mạch lạc. **c. Tìm hiểu bài:** -Hiểu nội dung bài và TL đúng các CH	+ Bài chia làm mấy đoạn? - Gọi 2 HS đọc nối tiếp đoạn. - Kết hợp sửa cách phát âm cho HS. -2 HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 và nêu chú giải. - Luyện đọc cặp. - GV hướng dẫn cách đọc bài. *Đọc mẫu toàn bài. - Yêu cầu HS đọc đoạn 1 và trả lời câu hỏi: +Khi câu chuyện xảy ra An-đrây-ca mấy tuổi, hoàn cảnh gia đình em lúc đó như thế nào? +Khi mẹ bảo An-đrây-ca đi mua thuốc cho ông thái độ của cậu như thế nào? +An-đrây-ca làm gì trên đường đi mua thuốc cho ông? *Chạy một mạch: chạy thật nhanh, không nghỉ. +Đoạn 1 nói lên điều gì? - Yêu cầu HS đọc thầm đ2và TLCH +Chuyện gì xảy ra khi An-đrây-ca mang thuốc về nhà? + Thái độ của An-đrây-ca lúc đó như thế nào? *Oà khóc: khóc nức nở. +An-đrây-ca tự dằn vặt mình ntn?(?) Câu chuyện cho em thấy An-đrây-ca là một cậu bé như thế	thầm. + Bài chia làm 2 đoạn. - HS đọc nối tiếp đoạn lần 1. - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 và nêu chú giải SGK. - HS đọc nhóm đôi. - HS lắng nghe GV đọc mẫu. + An-đrây-ca lúc đó 9 tuổi, em sống với mẹ và ông đang bị ốm rất nặng. + Cậu nhanh nhẹn đi mua ngay. + An-đrây-ca gặp mấy cậu bạn đang đá bóng và rủ nhập cuộc, mải chơi nên cậu quên lời mẹ dặn. Mãi sau mới nhớ ra, cậu chạy một mạch đến cửa hàng mua thuốc mang về. * **An-đrây-ca mải chơi quên lời mẹ dặn.** + An-đrây-ca hoảng hốt thấy mẹ đang khóc nấc lên, ông cậu đã qua đời. + Cậu ân hận vì mình mải chơi nên mang thuốc về chậm mà ông mất. Cậu oà khóc, dằn vặt kể cho mẹ nghe. + An-đrây-ca rất yêu thương ông, lại không thể tha thứ cho mình vì chuyện

		nào? +Đoạn 2 nói lên điều gì? + Qua câu chuyện trên em thấy được điều gì từ An-đrây-ca?	mải chơi mà mua thuốc về chậm. để ông mất *** Nỗi dằn vặt của An-đrây-ca.** **=>Ý nghĩa:** Cậu bé An-đrây-ca là người yêu thương ông, có ý thức trách nhiệm với người thân. Cậu rất trung thực và nghiêm khắc với bản thân về lỗi lầm của mình**.**
	d. Luyện đọc diễn cảm:	- GV ghi nội dung lên bảng. * Gọi 2 HS đọc nối tiếp cả bài. - Hướng dẫn HS luyện đọc một đoạn trong bài. - Yêu cầu HS luyện đọc theo cặp. - Cho HS thi đọc diễn cảm - GV nhận xét chung.	- HS đọc nối tiếp toàn bài, - HS luyện đọc theo cặp. - HS thi đọc diễn cảm.
2'	**C. Củng cố-dặn dò:**	* Nhận xét giờ học. - Dặn HS về đọc bài và chuẩn bị bài sau: "Chị em tôi".	- Lắng nghe. Ghi nhớ.

KHOA HỌC

MỘT SỐ CÁCH BẢO QUẢN THỨC ĂN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Kể tên một số cách bảo quản thức ăn: làm khô, ướp lạnh, ướp mặn, đóng hộp,….

2. Kĩ năng:

- Biết một số biện pháp bảo quản thức ăn ở nhà.

3. Thái độ:

- Thực hiện bảo quản thức ăn ở nhà.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh SGK, phấn màu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

1.Ổn định tổ chức : 1phút

2.Tiến trình giờ dạy

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3'	**A.Bài cũ**	+ Vì sao cần ăn nhiều rau và quả chín hàng ngày? + Làm thế nào để thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm?	- 2 học sinh trả lời: + Ăn nhiều rau xanh, quả chín để có đủ vi- ta- min, chất khoáng cần thiết cho cơ thể,… + Thực phẩm được nuôI

<table>
<tr>
<td>30’</td>
<td>B. Bài mới
a. Giới thiệu bài.

b.Hoạt động1
Tìm hiểu các cách bảo quản thức ăn.</td>
<td>- Nhận xét chung.

Chúng ta đã biết vì sao phải ăn nhiều rau, quả. Hôm nay các em lại biết cách bảo quản thức ăn.
- Cho học sinh quan sát H24, 25 SGK để nêu cách bảo quản của từng hình.

<table>
<tr><th>Hình</th><th>Cách bảo quản</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Phơi khô</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Đóng hộp</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Ướp lạnh</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Ướp lạnh</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Làm mắm</td></tr>
<tr><td>6</td><td>Làm mứt</td></tr>
<tr><td>7</td><td>Ướp muối</td></tr>
</table>
</td>
<td>trồng theo quy trình hợp vệ sinh…….

- Lắng nghe.

- HS quan sát hình trong SGK và nêu các cách bảo quản thức ăn.</td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td>c.Hoạt động 2
Tìm hiểu cơ sở khoa học của các cách bảo quản thức ăn.</td>
<td>Giảng: Các loại thức ăn tươi chứa nhiều nước và các chất dinh dưỡng đó là môi trường thích hợp cho vi sinh vật phát triển. Vì vậy chúng dễ bị hư hỏng, ôi thiu.
+ Vậy muốn bảo quản được lâu ta làm thế nào?
KL: Nguyên tắc chung của việc bảo quản thức ăn là làm cho các vi sinh vật không có môi trường hoạt động hoặc ngăn không cho các vi sinh vật xâm nhập vào thức ăn.
- GV treo bảng phụ lên bảng. Yc HS thảo luận nhóm 2.
Trong các cách bảo quản sau cách nào làm cho vi sinh vật</td>
<td>- Nghe

+ Làm cho thức ăn khô để các vi sinh vật không phát triển được.

- Học sinh thảo luận nhóm 2.
- Đại diện nhóm trình bày.
Trả lời:
1) Làm cho vi sinh vật không</td>
</tr>
</table>

		không xâm nhập được? a) Phơi khô, nướng, sấy b) ướp muối, ngâm nước mắm c) Ướp lạnh d) Đóng hộp e) Cô đặc với dung dịch - Gọi học sinh trình bày.	có điều kiện hoạt động: a, b, c, e. 2) Ngăn không cho các vi sinh vật xâm nhập: d.
3'	**C. Củng cố – dặn dò**	- Nhận xét tiết học - Cho học sinh liên hệ ở gia đình. - Dặn học sinh chuẩn bị bài sau: Phòng một số bệnh do thiếu chất dinh dưỡng.	- Học sinh tự liên hệ ở gia đình em đã bảo quản hức ăn bằng cách nào.

KHOA HỌC
PHÒNG MỘT SỐ BỆNH DO THIẾU CHẤT DINH DƯỠNG

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nêu cách phòng tránh một số bệnh do thiếu chất dinh dưỡng:
 + Thường xuyên theo dõi cân nặng của em bé.
 + Cung cấp đủ chất dinh dưỡng và năng lượng.
 + Đưa trẻ đi khám để chữa trị kịp thời.

2. Kĩ năng:

- Mô tả đặc điểm bên ngoài của trẻ bị còi xương, suy dinh dưỡng, bướu cổ.
- Nêu được nguyên nhân gây ra các bệnh kể trên

3. Thái độ:

- Biết áp dụng kiến thức vào thực tế để phòng tránh các bệnh do thiếu dinh dưỡng gây nên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh SGK, phiếu học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

1.Ổn định tổ chức : 1phút

2.Tiến trình giờ dạy :

TG	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3’	**A. Bài cũ.**	+ Nêu cách bảo quản thức ăn?	+ Làm khô, ướp lạnh, ướp mặn, đóng hộp.
		- Nhận xét chung	- Nhận xét.
30’	**B. Bài mới**		
	a. Giới thiệu bài	- Chia lớp thành các nhóm yêu cầu quan sát H1, 2 SGK	- Chia thành nhóm 4.
	b.Hoạt động1 Quan sát, phát hiện bệnh do thiếu chất dinh dưỡng.	+ Người trong hình bị bệnh gì? Những dấu hiệu nào cho em biết bệnh mà người đó mắc phải?	- Các nhóm quan sát tranh và thảo luận. + Em bé ở H1 bị bệnh suy dinh dưỡng, cơ thể rất gầy, chân tay rất nhỏ.
		- Gọi đại diện các nhóm trả lời.	+ H2: cô gái bị bướu cổ, cổ cô bị lồi to ra.
	c.Hoạt động2 Nguyên nhân và cách phòng	- Gọi HS lên chỉ vào tranh mình mang đến lớp và nói người trong tranh bị bệnh gì?	- Một số HS mang tranh lên bảng và giới thiệu. - Nhận phiếu.

	bệnh do thiếu chất dinh dưỡng . **d.Hoạt động3** Trò chơi: Em tập làm bác sĩ.	- Phát phiếu học tập cho HS, yc HS đọc kĩ và hoàn thành phiếu trong 5 phút. Đáp án: Nối cột A với B cho phù hợp: - Thiếu năng lượng và chất đạm: trẻ sẽ bị suy dinh dưỡng. - Thiếu I- ốt: sẽ chậm phát triển, kém thông minh, dễ bị bướu cổ. - Thiếu vi- ta- min A: sẽ bị nhiễm bệnh và mắt kém. - Thiếu vi- ta- min D: sẽ bị còi xương. 2. Đánh dấu x vào trước ý đúng: a) ý 3: Cả 2 ý trên đều đúng. b) ý 3: Cả 2 ý trên đều đúng. KL: Trẻ em nếu không được ăn đủ lượng và đủ chất, đặc biệt thiếu chất đạm sẽ bị suy dinh dưỡng, nếu thiếu vi – ta – min D sẽ bị còi xương, kém thông minh. + Ngoài các bệnh còi xương suy dinh dưỡng, bướu cổ các em còn biết bệnh nào do thiếu dinh dưỡng. KL: Để phòng các bệnh suy dinh dưỡng cần ăn đủ lượng, đủ chất. Đối với trẻ em cần được theo dõi thường xuyên. .. -Hướng dẫn cách chơi: 1 học sinh đóng vai bác sĩ, 1 học sinh đóng vai bệnh nhân, người đóng vai bệnh nhân nêu triệu chứng bệnh, người đóng vai bác sĩ nêu tên bệnh và	- Hoàn thành PHT. - 2 HS đọc kết quả, cả lớp theo dõi - Thiếu vi-ta-min A quáng gà, khô mắt. - Thiếu vi – ta – min B: bệnh phù. - Thiếu vi - ta - min C: chảy máu chân răng. - Từng cặp học sinh lên đóng vai chơi, học sinh khác nhận xét.

3’	**C. Củng cố – dặn dò.**	cách phòng, chữa. - Gọi HS đọc mục Bạn cần biết. - Liên hệ thực tế ở lớp những HS nào bị suy dinh dưỡng và nhắc nhở về phải ăn đủ chất. - Dặn học sinh chuẩn bị bài 13.	- 2 HS đọc. - Tự liên hệ bản thân.

ĐỊA LÍ
TÂY NGUYÊN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình, khí hậu của Tây Nguyên.
  + Các cao nguyên xếp tầng cao thấp khác nhau Kon Tum, Đăk Lắk, Lâm Viên, Di Linh.
  + Khí hậu có hai mùa rõ rệt: mùa mưa, mùa khô.
- HS chỉ trên bản đồ tự nhiên Việt Nam vị trí của khu vực Tây Nguyên & các cao nguyên.

2. Kĩ năng:

- Trình bày được một số đặc điểm của Tây Nguyên (vị trí, địa hình, khí hậu).
- Bước đầu biết dựa vào lược đồ (bản đồ), bảng số liệu, tranh ảnh để tìm kiến thức.

3. Thái độ:

- Ham thích tìm hiểu các vùng đất của dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam .
- Tranh ảnh Tây Nguyên (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY-HỌC

1. Ổn định tổ chức : 1phút

2.Tiến trình giờ dạy :

TG	Nội dung	Hoạt động củagiáo viên	Hoạt động của học sinh
3’	**A. Kiểm tra**	- Nêu một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình của vùng trung du Bắc Bộ.	+ Vùng đồi với đỉnh tròn, sườn thoải, xếp cạnh nhau như bát úp.
32’	**B. Bài mới:** **a. Giới thiệu bài**:	- GV giới thiệu bài.	- HS nghe và ghi đầu bài.